

UNIT 3: MY DAY**3.7 Writing: Describing daily routine - Unit 3. My Day - Tiếng Anh 6 – English****Discovery****1. Read Erik's first post quickly. In pairs, answer the questions.**

(Đọc nhanh bài đăng đầu tiên của Erik. Theo cặp, trả lời các câu hỏi.)

Post by Erik, 19 November at 20.13

Hi, my name's Erik, I'm thirteen and I come from Tromsø in Norway. It's quite big (70,000 people) but it isn't a typical European city. We're 350 km north of the Arctic Circle, so from November to February it's dark, day and night. It's often very cold, even minus forty degrees. But we love winter - the sky is often a beautiful colour and we love skiing.

1. Which country is Erik from?

(Erik đến từ đất nước nào?)

2. In your opinion, is Tromsø a fun city to live in?

(Theo ý kiến của em, Tromsø có phải là thành phố vui nhộn để sống không?)

Tạm dịch:

Đăng bởi Erik, 19 tháng 11 lúc 20:13

Xin chào, tên tôi là Erik, tôi mười ba tuổi và tôi đến từ Tromsø ở Na Uy. Nó khá lớn (70.000 người) nhưng nó không phải là một thành phố điển hình của châu Âu. Cách Vòng Bắc Cực 350 km về phía bắc, vì vậy từ tháng 11 đến tháng 2, trời tối, cả ngày lẫn đêm. Nó thường rất lạnh, thậm chí âm bốn mươi độ. Nhưng chúng tôi yêu mùa đông - bầu trời thường có một màu đẹp và chúng tôi thích trượt tuyết.

Lời giải chi tiết:**1. Erik is from Norway.**

(Erik đến từ Na Uy.)

2. In my opinion, Tromsø isn't a fun city to live in because I can't stand cold weather.

(Theo tôi, Tromsø không phải là thành phố vui nhộn để sống vì tôi không chịu được thời tiết lạnh.)

2. Read Erik's second post. In pairs, say what things are different in Việt Nam.

(Đọc bài đăng thứ hai của Erik. Theo cặp, nói những điều khác biệt ở Việt Nam.)

Post by Erik, 23 November at 21.12**My day**

I wake up at seven o'clock, have a shower and then have breakfast: bread, cheese and yoghurt.

After that I go to school.

School starts at eight thirty every day. We have lunch at eleven o'clock and at two o'clock we go home.

After school I do my homework - I'm in Grade 7, so there's a lot of homework now! My parents come home at four o'clock and then we have dinner - meat or fish and potatoes. After that I often meet my friends and we play computer games. In winter I usually stay at home because it's cold and dark. We read or we chat by the fire. I go to bed at ten o'clock.

In Norway school starts at eight thirty. In some areas in Việt Nam it starts at seven thirty.

(Ở Na Uy trường học bắt đầu lúc 8 giờ 30. Ở một số khu vực ở Việt Nam trường học bắt đầu lúc 7:30.)

Tạm dịch:

Đã đăng bởi Erik, 23 tháng 11 lúc 21:12

Ngày của tôi

Tôi thức dậy lúc 7 giờ, tắm rửa và sau đó ăn sáng: bánh mì, pho mát và sữa chua. Sau đó tôi đi học.

Trường học bắt đầu lúc 8:30 mỗi ngày. Chúng tôi ăn trưa lúc 11 giờ và đến 2 giờ thì về nhà.

Sau giờ học, tôi làm bài tập về nhà - Tôi học lớp 7, nên bây giờ có rất nhiều bài tập về nhà!

Bố mẹ tôi về nhà lúc 4 giờ và sau đó chúng tôi ăn tối - thịt hoặc cá và khoai tây. Sau đó, tôi thường gặp gỡ bạn bè và chúng tôi chơi game trên máy tính. Vào mùa đông, tôi thường ở nhà vì trời lạnh và tối. Chúng tôi đọc hoặc trò chuyện bên bếp lửa. Tôi đi ngủ lúc 10 giờ.

Lời giải chi tiết:

In Norway, students have lunch at eleven o'clock and at two o'clock they go home. In Việt Nam, students have lunch at 12 o'clock and go home at half past four.

(Ở Na Uy, học sinh ăn trưa lúc 11 giờ và về nhà lúc 2 giờ. Ở Việt Nam, học sinh ăn trưa lúc 12 giờ và về nhà lúc 4 giờ rưỡi.)

In Norway, in winter it's cold and dark. In some areas in Việt Nam, in winter it's sunny and hot.

(Ở Na Uy, vào mùa đông, trời lạnh và tối. Ở một số vùng ở Việt Nam, vào mùa đông, trời nắng và nóng.)

3. Study the Writing box. In pairs, find the words in blue in Erik's second post.

(Nghiên cứu khung Writing. Theo cặp, tìm các từ in màu xanh trong bài đăng thứ hai của Erik.)

Writing

Writing about your daily routine

(Viết về hoạt động thường nhật của em)

Use the Present Simple to describe your routine.

(Sử dụng thì hiện tại đơn để miêu tả hoạt động thường nhật của em.)

I wake up/get up at....

(Tôi thức dậy lúc...)

Then I...

(Sau đó tôi...)

After that I...

(Tiếp theo tôi...)

School starts/We go home at...

(Trường học bắt đầu/ Chúng tôi về nhà lúc...)

After school I...

(Sau giờ học tôi...)

Use conjunctions (e.g. *and, but, so, because*) to link sentences.

(Chúng ta sử dụng liên từ (ví dụ: và, nhưng, vì vậy, bởi vì) để liên kết các câu.)

I don't have breakfast **because** I'm never hungry. /

(Tôi không ăn sáng vì tôi không bao giờ đói.)

I'm never hungry, **so** I don't have breakfast.

(Tôi không bao giờ đói, vì vậy tôi không ăn sáng.)

I walk to school **because** it's very close. /

(Tôi đi bộ đến trường vì nó rất gần.)

I live near the school, **so** I walk.

(Tôi sống gần trường, vì vậy tôi đi bộ.)

Lời giải chi tiết:**My day**

I wake up at seven o'clock, have a shower and **then** have breakfast: bread, cheese and yoghurt.

After that I go to school.

After school I do my homework - I'm in Grade 7, **so** there's a lot of homework now! My parents come home at four o'clock and **then** we have dinner - meat or fish and potatoes. **After that** I

often meet my friends and we play computer games. In winter I usually stay at home **because** it's cold and dark.

4. Complete the sentences with *so* or *because*.

(Hoàn thành câu với *so* hoặc *because*.)

- We don't have a TV, **so** I watch DVDs on my computer.
(Chúng tôi không có tivi, vì vậy tôi xem DVDs trên máy tính.)
- I often don't have breakfast _____ I don't have time.
- I wake up early _____ cat wants something to eat.
- I often exercise, _____ I feel relaxed.
- I take the dog for a walk in the morning, _____ I get up early every day.
- I'm often tired in the evening, _____ I go to bed before 10 p.m.
- My mum drives me to school _____ it's too far to walk.

Phương pháp:

- so: vì vậy
- because: bởi vì

Lời giải chi tiết:

2. because	3. because	4. so	5. so	6. so	7. because
------------	------------	-------	-------	-------	------------

- I often don't have breakfast **because** I don't have time.
(Tôi thường không ăn sáng vì không có thời gian.)
- I wake up early **because** my cat wants something to eat.
(Tôi dậy sớm vì con mèo của tôi đòi ăn.)
- I often exercise, **so** I feel relaxed.
(Tôi thường xuyên tập thể dục, vì vậy tôi cảm thấy thư thái.)
- I take the dog for a walk in the morning, **so** I get up early every day.
(Tôi dắt chó đi dạo vào buổi sáng, vì vậy tôi dậy sớm mỗi ngày.)
- I'm often tired in the evening, **so** I go to bed before 10 p.m.
(Tôi thường mệt mỏi vào buổi tối, vì vậy tôi đi ngủ trước 10 giờ tối.)
- My mum drives me to school **because** it's too far to walk.
(Mẹ tôi chở tôi đến trường vì quá xa để đi bộ.)

Writing Time

5. Write about your daily routine. Use Erik's second post, the vocabulary in Lesson 3.1 and the Writing box to help you.

(Viết về hoạt động thường nhật của em. Sử dụng bài đăng thứ hai của Erik, từ vựng ở bài 3.1 và khung Writing để giúp em.)

Lời giải chi tiết:

I wake up at 6 o'clock, have a shower and then have breakfast: fried rice, vegetable soup and milk. After that I go to school. School starts at 7 o'clock every day. I have lunch at twelve o'clock and I go home at 5 o'clock.

After school I help my mother to prepare dinner! Then we usually have dinner at half past six. After that I have a shower and do my homework until 9 o'clock. I read or listen to music until 10 o'clock I go to bed.

Tạm dịch:

Tôi thức dậy lúc 6 giờ, tắm rửa và sau đó ăn sáng: cơm rang, canh rau và sữa. Sau đó tôi đi học. Trường học bắt đầu lúc 7 giờ mỗi ngày. Tôi ăn trưa lúc 12 giờ và tôi về nhà lúc 5 giờ. Sau khi tan học, tôi giúp mẹ tôi chuẩn bị bữa tối! Sau đó, chúng tôi thường ăn tối lúc 6:30. Sau đó tôi đi tắm và làm bài tập cho đến 9 giờ tối. Tôi đọc hoặc nghe nhạc cho đến 10 giờ tôi đi ngủ.